

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

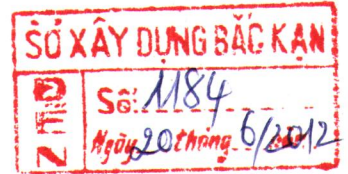
Số: **931** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **19** tháng 6 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 -2020, định hướng đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/2008/QĐ-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 27/5/2005 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung thị xã Bắc Kạn giai đoạn 2004-2020; Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 22/7/2006 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

Theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26/10/2011 của Hội đồng nhân dân thị xã Bắc Kạn thông qua đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Ý kiến góp ý điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Bắc Kạn của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 585/BXD-KTQH ngày 16/4/2012;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 298/TTr-SXD ngày 06/6/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 -2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 -2020, định hướng đến năm 2030.

2. Địa điểm quy hoạch, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp xã Cẩm Giàng, Hà Vị - huyện Bạch Thông; Phía Nam giáp xã Thanh Vân, Hoà Mục - huyện Chợ Mới; Phía Đông giáp xã Mỹ Thanh - huyện Bạch Thông; Phía Tây giáp xã Quang Thuận, Đôn Phong - huyện Bạch Thông.

Diện tích đất tự nhiên thị xã Bắc Kạn: 13.688 ha; trong đó: Quy mô diện tích khu quy hoạch khoảng 2.500ha (bao gồm khu vực nội thị cũ và phát triển mở rộng).

### 3. Giai đoạn quy hoạch, tỉ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỉ lệ bản đồ 1/5000.

### 4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch:

#### 4.1. Tính chất:

Là thị xã tinh lý; trung tâm chính trị, hành chính, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật của tỉnh; có vị trí an ninh, quốc phòng quan trọng của khu vực.

Là một trong những Trung tâm du lịch quốc gia: Sinh thái, văn hoá, lịch sử, dân tộc vùng núi phía Đông Bắc.

Là Trung tâm kinh tế: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ của tỉnh.

#### 4.2. Chức năng:

Có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, là đô thị hạt nhân của tỉnh, có tốc độ tăng trưởng và trình độ phát triển cao, toàn diện bao gồm các ngành: Công nghiệp chế biến, du lịch, dịch vụ, thương mại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình đầu mối.

Là vùng sinh thái thiên nhiên, vùng bảo tồn văn hoá - lịch sử bền vững của cộng đồng các dân tộc vùng núi phía Đông Bắc.

Là vùng trung tuyến, hậu phương vững chắc, đảm bảo an ninh quốc phòng cho vùng biên giới phía Bắc.

#### 4.3. Động lực phát triển đô thị chủ yếu:

Phát triển du lịch và dịch vụ du lịch, làng thủ công mỹ nghệ, phục vụ khách tham quan du lịch.

Phát triển thương mại dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ ẩm thực, nghỉ ngơi, giải trí phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước tham quan.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí sửa chữa, lắp ráp; chế biến nông lâm sản; gia công hàng tiêu dùng trong nội địa và xuất khẩu; mây tre đan....

Phát triển nông nghiệp chủ yếu về trồng hoa màu, rau xanh, cây ăn quả đặc sản phục vụ cho đô thị và an ninh lương thực tại chỗ.

### 5. Quy mô dân số, đất đai:

#### 5.1. Dân số:

Hiện trạng năm 2010=37.789 người; nội thị=24.942 người.

Dự báo dân số: Ngắn hạn 2015=48.000 người; Dài hạn 2020=60.000 người; Tầm nhìn 2030=92.000 người.

5.2. Đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên của thị xã sau khi điều chỉnh, mở rộng là: 13.688 ha.

Trong đó: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị:

Hiện trạng: 378,55ha.

Giai đoạn 2015: 536,55ha.

Giai đoạn 2020: 730,74ha

Định hướng đến năm 2030: 1.004,92ha.

6. Định hướng phát triển đô thị, định hướng tổ chức không gian đô thị:

Thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, thị xã Bắc Kạn phát triển theo hướng như sau:

+ Hướng phát triển đô thị đến năm 2020 mở rộng ra một phần các xã Huyện Tụng, Dương Quang. Lấy dòng sông Cầu làm trục, định hướng phát triển đô thị về phía Bắc sông Cầu và phía Nam thị xã.

+ Hướng phát triển đô thị sau năm 2030 là phát triển vào khu Nà Diều thuộc xã Nông Thượng.

+ Đường quy hoạch tránh phía Tây thị xã (dự kiến đường Hồ Chí Minh) đi qua xã Nông Thượng theo tỉnh lộ 259 qua Sông Cầu, qua phía Tây hồ Nặm Cắt, nối vào QL3.

+ Khu dân cư: Hình thành khu đô thị mới phía Nam đường Nguyễn Văn Tố, khu Nà Diều và khu Bản Áng. Phát triển dân cư tại khu vực phía Tây phường Nguyễn Thị Minh Khai và một phần bóm trục đường vành đai phía Bắc (khu vực Phặc Tràng).

+ Khu công trình cơ quan, công trình công cộng: Cơ bản theo hiện trạng. Quy hoạch khu liên cơ quan, nhà ở hỗn hợp: Sở Nội vụ, cơ quan lưu trữ và các Ban, Ngành phía Nam thị xã tại khu vực tổ 9 phường Phùng Chí Kiên; Quy hoạch trụ sở Thị uỷ, HĐND, UBND thị xã Bắc Kạn tại khu đô thị phía Nam; quy hoạch Sân vận động tại khu vực sân bay cũ; quy hoạch khu triển lãm hội chợ tại Bến xe ô tô hiện trạng; Bến xe ô tô chuyển về vị trí vườn Mơ (tổ 11 phường Phùng Chí Kiên).

+ Nhà máy chế biến bột sắn Thác Giềng chuyển sang xây dựng khu Du lịch sinh thái. Dự kiến xây dựng 03 khu du lịch sinh thái là Thác Giềng, Khau Dạ và Nặm Cắt; bảo tồn duy tu 02 khu rừng là Phặc Tràng và Bản Áng.

+ Từ năm 2011-2015 dự kiến phát triển mở rộng thêm 03 phường mới tại phía Bắc, phía Tây Nam và phía Nam.

+ Các Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng: Hình thành 03 Cụm công nghiệp là: Huyện Tụng, Khuổi Cuồng và Xuất Hoá.

+ Các khu vực không gian quan trọng: Khu trung tâm hành chính tỉnh tại Đồi Thông và dọc trục đường Trường Chinh, Hùng Vương; khu trung tâm hành chính thị xã, trung tâm thương mại và cây xanh môi trường sinh thái Phặc Tràng; khu trung tâm thể dục thể thao bờ Bắc Sông Cầu (khu sân bay cũ).

+ Các trục không gian đô thị chủ đạo: Trục đường Trường Chinh, đường Nguyễn Thị Minh Khai; trục không gian Hùng Vương; trục Đội Kỳ; trục từ Nhà văn hoá sang khu Phặc Tràng; trục đường Trần Hưng Đạo.

+ Các trục cảnh quan: Trục 02 bờ Sông Cầu; Trục bờ Nam và bờ Bắc Sông Cầu; phát triển hệ cây xanh sinh thái, khu vui chơi giải trí.

7. Nội dung điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng 2011 - 2020 và định hướng 2030:

7.1. Hướng mở rộng đô thị đến năm 2020 mở rộng ra một phần các xã Huyện Tụng, Dương Quang. Lấy dòng Sông Cầu làm trục, định hướng phát triển đô thị về phía Bắc. Các khu quy hoạch mới hạn chế san ủi đồi (chủ yếu cân bằng đào đắp).

7.2. Hướng phát triển đô thị đến năm 2030 là phát triển vào khu Nà Diều thuộc xã Nông Thượng.

7.3. Các khu chức năng cần điều chỉnh:

Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng: Hình thành 03 Cụm công nghiệp là Huyện Tụng, Khuổi Cuông và Xuất Hoá (bỏ Cụm công nghiệp Bản Áng).

Khu dân cư: Hình thành khu đô thị mới Nà Diều và Bản Áng. Phát triển dân cư tại khu vực phía Tây phường Nguyễn Thị Minh Khai và một phần bán trục đường vành đai phía Bắc (khu Phặc Tràng). Đô thị được phân ra làm 06 khu đô thị chính.

Khu công trình công cộng và cây xanh: Về cơ bản thực hiện theo quy hoạch năm 2005 đã được phê duyệt. Quy hoạch điều chỉnh mở rộng 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 sẽ điều chỉnh các công trình cụ thể như sau:

7.3.1. Bổ sung xây mới khu liên cơ quan, nhà ở hỗn hợp: Sở Nội vụ, cơ quan lưu trữ và các Ban, ngành tại vị trí phía Nam đường Nguyễn Văn Tố, ở phía Đông trường Trung cấp dạy nghề Bắc Kạn. Quy mô khoảng 20ha.

7.3.2. Sân vận động quy hoạch năm 2005 xác định ở khu Phặc Tràng, nay điều chỉnh xây dựng tại khu vực sân bay cũ, vị trí cũ (khu Phặc Tràng) để xây dựng khu nhà ở và công viên cây xanh ven Sông Cầu.

7.3.3. Trụ sở Thị uỷ, HĐND, UBND thị xã định hướng từ nay đến năm 2020 xây dựng tại đường Trường Chinh (khu đô thị phía Nam). Sau năm 2020 xây dựng ở khu Trung tâm văn hoá xã hội của thị xã (khu Bắc Sông Cầu).

7.3.4. Bệnh viện đa khoa 500 giường tỉnh Bắc Kạn được xây dựng tại khu Pá Danh, địa điểm cũ để xây dựng Bệnh viện điều trị bệnh xã hội.

7.3.5. Trường Trung cấp Y chuyển sang xây dựng tại khu Pá Danh sát Bệnh viện đa khoa 500 giường, khu vực cũ dành cho xây dựng các công trình công cộng.

7.3.6. Khu triển lãm hội chợ quy hoạch chung 2005 bố trí ở khu Phặc Tràng nay điều chỉnh xây dựng tại bến xe ô tô hiện tại, bến xe ô tô sẽ chuyển về vị trí vườn Mờ thuộc tổ 11 phường Phùng Chí Kiên, kết hợp với khu đô thị vườn mờ nằm trong tổng thể khu ở số 5.

7.3.7. Nhà máy chế biến bột sắn Thác Giềng chuyển sang xây dựng khu Du lịch sinh thái.

7.3.8. Bảo tàng Bắc Kạn sử dụng ở khu Nhà Hội đồng Pháp cũ. Khu quy hoạch cũ của Bảo Tàng Bắc Kạn là trụ sở Thị uỷ, HĐND, UBND thị xã hiện nay sẽ được sử dụng vào mục đích khác.

8. Mở rộng ranh giới từ năm 2011-2015:

Từ năm 2011-2015 thị xã Bắc Kạn sẽ mở rộng thêm các phường mới, đô thị sẽ có 07 phường và 04 xã.

Trong đó, 03 phường mới dự kiến phát triển là: Phường mới phía Bắc gắn với dự án du lịch sinh thái hồ Nặm Cắt; Phường mới phía Tây Nam gắn với tuyến giao thông đối ngoại là đường Hồ Chí Minh, đoạn Hà Nội-Bắc Kạn-Pác Bó đi qua thị xã Bắc Kạn; Phường mới phía Nam (khu vực Xuất Hoá) là khu vực có điều kiện về đất đai, kết cấu hạ tầng kỹ thuật để đô thị hoá và thực trạng khu vực này đã và đang đô thị hoá cao.

Sau khi phát triển thêm 03 phường, thị xã Bắc Kạn có tổng diện tích đất tự nhiên là: 13.688 ha. Trong đó 07 phường nội thị diện tích là 4.463ha còn 04 xã ngoại thị sẽ thu hẹp lại chỉ còn 9.225ha.

9. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

Kế thừa đồ án quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn đã được duyệt năm 2005, Quy hoạch thị xã Bắc Kạn được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với Luật quy hoạch đô thị và Quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam, nhằm khai thác và sử dụng đất đai đô thị có hiệu quả để tạo ra nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trong giai đoạn đầu từ năm 2010-2015 và giai đoạn tiếp theo từ 2015-2020 định hướng đến năm 2030, cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

## BẢNG TỔNG HỢP CÂN BẰNG ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2009			Quy hoạch 2015			2020			2030		
		Ha	%	m <sup>2</sup> /ng	Ha	%	m <sup>2</sup> /ng	Ha	%	m <sup>2</sup> /ng	Ha	%	m <sup>2</sup> /ng
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên toàn TX</b>	<b>13.688,00</b>	<b>100,0</b>		<b>13.688,00</b>	<b>100,0</b>		<b>13.688,00</b>	<b>100,0</b>		<b>13.688,00</b>	<b>100,0</b>	
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên nội thị</b>	<b>1.368,56</b>	<b>10,0</b>		<b>1.368,56</b>	<b>10,0</b>		<b>1.368,56</b>	<b>10,0</b>		<b>1.368,56</b>	<b>10,0</b>	
	- Đất xây dựng đô thị	378,55	27,7		536,55	39,2		730,74	53,4		1.004,92	73,4	
	- Đất khác	990,01	72,3		832,01	60,8		637,82	46,6		363,64	26,6	
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên ngoại thị</b>	<b>12.319,44</b>	<b>90,0</b>		<b>12.319,44</b>	<b>90,0</b>		<b>12.319,44</b>	<b>90,0</b>		<b>12.319,44</b>	<b>90,0</b>	
<b>I</b>	<b>Nội thị</b>	<b>1.368,56</b>			<b>1.368,56</b>			<b>1.368,56</b>			<b>1.368,56</b>		
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>	<b>378,55</b>	<b>100,0</b>	<b>151,77</b>	<b>536,55</b>	<b>90,7</b>	<b>147,52</b>	<b>730,74</b>	<b>93,2</b>	<b>162,14</b>	<b>1.004,92</b>	<b>130,5</b>	<b>156,29</b>
<b>1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>232,00</b>	<b>61,3</b>	<b>93,02</b>	<b>300,00</b>	<b>55,9</b>	<b>90,91</b>	<b>406,80</b>	<b>55,7</b>	<b>96,86</b>	<b>585,60</b>	<b>80,1</b>	<b>96,00</b>
-	Đất các đơn vị ở	180,76	47,8	72,47	216,15	40,3	65,50	260,40	35,6	62,00	378,20	51,8	62,00
-	Đất CTCC đô thị	10,60	2,8	4,25	14,85	2,8	4,50	21,00	2,9	5,00	30,50	4,2	5,00
-	Đất cây xanh, TĐTT	3,95	1,0	1,58	23,10	4,3	7,00	33,60	4,6	8,00	48,80	6,7	8,00
-	Đất giao thông đô thị	36,69	9,7	14,71	45,90	8,6	13,91	91,80	12,6	21,86	128,10	17,5	21,00
<b>2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>146,55</b>	<b>38,7</b>	<b>58,76</b>	<b>236,55</b>	<b>34,8</b>	<b>56,61</b>	<b>323,94</b>	<b>37,5</b>	<b>65,29</b>	<b>419,32</b>	<b>50,3</b>	<b>60,29</b>
-	Cơ quan, trường chuyên nghiệp	27,38	7,2	10,98	36,30	6,8	11,00	46,20	6,3	11,00	67,10	9,2	11,00
-	Đất CN, TĐCN, kho tàng	30,85	8,1	12,37	88,65	16,5	26,86	132,15	18,1	31,46	170,80	23,4	28,00
-	Đất cây xanh cách ly, du lịch sinh thái	-	-	-	16,50	3,1	5,00	25,20	3,4	6,00	36,60	5,0	6,00
-	Giao thông đối ngoại	18,50	4,9	7,42	25,28	4,7	7,66	50,57	6,9	12,04	73,20	10,0	12,00
-	Đất di tích, lịch sử văn hoá...	20,09	5,3	8,05	20,09	3,7	6,09	20,09	2,7	4,78	20,09	2,7	3,29
-	An ninh quốc phòng	42,21	4,3	16,92	42,21	5,1	12,79	42,21	6,6	10,05	42,21	6,6	6,92
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,56	0,3	1,03	2,56	0,3	0,78	2,56	0,4	0,61	4,36	0,7	0,71
-	Đất bãi thải, sử lý chất thải	4,96	0,5	1,99	4,96	0,6	1,50	4,96	0,8	1,18	4,96	0,8	0,81
<b>B</b>	<b>Đất khác</b>	<b>990,01</b>	<b>100,0</b>		<b>832,01</b>	<b>100,0</b>		<b>637,82</b>	<b>100,0</b>		<b>363,64</b>	<b>57,0</b>	
-	Đất nông, lâm nghiệp	874,52	88,3		717,08	86,2		523,35	82,1		249,53	39,1	
-	Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng	112,67	11,4		112,67	13,5		112,67	17,7		112,67	17,7	
-	Đất chưa sử dụng	2,82	0,3		2,26	0,3		1,80	0,3		1,44	0,2	
<b>II</b>	<b>Ngoại thị</b>	<b>12.319,44</b>	<b>100,0</b>		<b>12.319,44</b>	<b>100,0</b>		<b>12.319,44</b>	<b>100,0</b>		<b>12.319,44</b>	<b>100,0</b>	
<b>1</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>509,20</b>	<b>4,1</b>	<b>396,36</b>	<b>540,00</b>	<b>4,4</b>	<b>360,00</b>	<b>594,00</b>	<b>4,8</b>	<b>330,00</b>	<b>759,00</b>	<b>6,2</b>	<b>330,00</b>

TT	Hạng mục	Hiện trạng						Quy hoạch					
		2009			2015			2020			2030		
		Ha	%	m2/ng	Ha	%	m2/ng	Ha	%	m2/ng	Ha	%	m2/ng
2	Đất khu dân cư nông thôn	121,32	1,0	94,43	127,50	1,0	85,00	147,60	1,2	82,00	188,60	1,5	82,00
3	Đất sản xuất nông nghiệp	1.229,16	10,0		1.229,16	10,0		1.229,16	10,0		1.200,16	9,7	
4	Đất lâm nghiệp	9.157,92	74,3		9.157,92	74,3		9.157,92	74,3		9.100,92	73,9	
5	Đất khác	1.301,84	10,6		1.264,86	10,3		1.190,76	9,7		1.070,76	8,7	

## 10. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

### 10.1. Quy hoạch giao thông:

Tỷ lệ đất giao thông: Tính đến đường liên khu vực=6,5%; Tính đến đường khu vực=14%; Tính đến đường phân khu vực=19,5%.

Hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới đường đô thị.

Mạng lưới đường chính được tổ chức theo dạng đường vòng theo địa hình, kết hợp mạng lưới đường nhánh.

Một số tuyến đường trong đô thị:

- + Quốc lộ 3 đoạn qua đô thị hiện nay có lộ giới từ 22m đến 30m.
- + Quốc lộ 3B (TL256) đi Na Rì, đoạn qua thị xã có lộ giới 13,5m.
- + Tỉnh lộ 257 đi Chợ Đồn đoạn qua thị xã có lộ giới 16,5m.
- + Mở tuyến đường tránh (dự kiến đường Hồ Chí Minh) nằm ở phía Tây thị xã, hướng Nam Bắc, có lộ giới 13,5m.
- + Đường trục chính đô thị có quy mô lộ giới từ 27m đến 41m.
- + Mở một số tuyến đường nội bộ có quy mô lộ giới từ 13,5m đến 17,5m.

Bến xe: Dự kiến xây dựng 02 bến xe đối ngoại: Bến xe số 01 nằm ở khu Xuất Hoá, có quy mô khoảng 1ha; bến xe số 02 nằm ở phường Phùng Chí Kiên, có quy mô khoảng 1ha.

### 10.2. Giải pháp san nền và thoát nước mưa:

#### 10.2.1. San nền:

Xác định cao độ tối thiểu xây dựng khu vực nghiên cứu là: +133,00m.

Đối với các khu vực xây dựng hiện trạng, cơ bản giữ nguyên cao độ.

Đối với khu vực ruộng trồng phải được tôn nền đến cao độ tối thiểu  $H \geq 133,00$  m.

Cao độ nút các nút giao thông nội bộ xác định phù hợp với mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

#### 10.2.2. Thoát nước mưa:

Mạng lưới thoát nước mưa trong khu vực thiết kế được thiết kế riêng rẽ với mạng lưới thoát nước thải.

Hướng thoát nước mưa ra sông, suối.

Sử dụng công tròn BTCT đi trên vỉa hè; trên mạng lưới bố trí các giếng thu, giếng thăm; độ dốc đường thiết kế  $>0,004$ .

### 10.3. Quy hoạch cấp nước:

Tiêu chuẩn cấp nước (tính cho đô thị loại III):

+ Đến năm 2015: Nội thị=120lít/người/ngày đêm (với 90% dân số được cấp nước); Ngoại thị=80lít/người/ngày đêm (với 80% dân số được cấp nước).

+ Đến năm 2020: Nội thị=130lít/người/ngày đêm (với 95% dân số được cấp nước); Ngoại thị=100 lít/người/ngày đêm (với 80% dân số được cấp nước).



+ Đến năm 2030 (tương đương đô thị loại II): Nội thị=150 lít/người/ngày đêm (với 95% dân số được cấp nước); Ngoại thị= 120 lít/người/ngày đêm (với 85% dân số được cấp nước).

Tổng nhu cầu dùng nước của thị xã Bắc Kạn là:  $Q_t = 8.700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

Lựa chọn nguồn nước: Dùng nước mặt hồ Nặm Cát, nước mặt sông Cầu làm nguồn cấp nước chính cho thị xã Bắc Kạn, kết hợp các giếng khoan hiện có.

Giải pháp cấp nước: Nâng cao số lượng và chất lượng nước của Nhà máy nước cung cấp cho khu vực đô thị. Giai đoạn dài hạn nâng cấp Nhà máy nước công suất từ  $6.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  lên  $8.700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  và đến năm 2020 là  $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Các cụm dân cư nông thôn xây dựng công trình cấp nước nhỏ tự chảy hoặc các trạm bơm giếng để cấp nước cục bộ cho từng khu vực.

Mạng lưới đường ống: Thiết kế mạng lưới đường ống theo mạng vòng kết hợp nhánh; hệ thống cấp nước cứu hoả được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt theo quy phạm.

#### 10.4. Quy hoạch cấp điện:

Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt (tính theo đô thị loại III): Đợt đầu=300 W/người, tương ứng 900KWh/người năm; Tương lai=500 W/người, tương ứng 1500KWh/người năm.

Công trình công cộng và dịch vụ lấy khoảng 35 đến 40% phụ tải sinh hoạt.

Định hướng cấp điện: Nguồn điện cung cấp cho thị xã Bắc Kạn do nguồn điện của mạng lưới quốc gia cung cấp. Theo tổng sơ đồ phát triển lưới điện Việt Nam đã được phê duyệt, tỉnh Bắc Kạn sẽ xây dựng trạm biến áp 220/110KV công suất 2x125 MVA ở phía Bắc thị xã. Đồng thời theo quy hoạch ngành điện, xây dựng mới trạm 110KV tại Thanh Bình công suất 2x25MVA.

+ Giai đoạn 2015-2020: Xây dựng mới các tuyến 22KV cấp điện cho các khu vực xây dựng mới; Đường dây 22KV hiện có và xây dựng mới ở các trục đường trong khu vực trung tâm sẽ dùng cáp ngầm bố trí trong các tuyến kỹ thuật đảm bảo mỹ quan đô thị.

Định hướng cấp điện đến 2030: Trạm 220KV Bắc Kạn sẽ nâng công suất lên 2x125MVA; Trạm 110KV Bắc Kạn nâng công suất lên 2x40MVA.

Lưới chiếu sáng: Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng của thị xã Bắc Kạn. Các trục đường thuộc khu vực trung tâm của thị xã xây dựng mới tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm. Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4KV cấp điện cho sinh hoạt.

#### 10.5. Thoát nước thải và VSMT:

Khối lượng nước thải sinh hoạt, công cộng: Nội thị, lượng nước thải sinh hoạt cần xử lý= $4.200\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; Ngoại thị, tỉ lệ thu nước là 60%= $430\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

Khối lượng nước thải công nghiệp= $1.350\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

Tổng khối lượng toàn bộ chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: 48 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn công nghiệp: 29,98 tấn/ngày.

Giải pháp quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Thoát nước thải: Dự kiến nâng cấp trạm xử lý nước thải hiện tại (theo dự án) từ  $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm lên  $4.200\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm trong giai đoạn I và  $6.200\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm trong giai đoạn II, giai đoạn III cần xây dựng thêm một môđun trạm xử lý công suất  $5.000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm, các khu ngoại thị xây dựng các cụm xử lý nước thải với tổng lưu lượng  $430\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm năm 2015, đến năm 2020 là  $1.080\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm và đến năm 2030 là  $1.921\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm.

+ Nước thải công nghiệp sau khi xử lý, đạt tiêu chuẩn vệ sinh được xả ra suối và môi trường xung quanh.

+ Chất thải rắn: Quy hoạch đến năm 2020 tập trung về khu xử lý chất thải rắn tại xã Huyền Tụng quy mô từ 15-20ha.

+ Nghĩa trang: Giai đoạn ngắn hạn tiếp tục sử dụng nghĩa trang Đon Tuấn mở rộng thêm khoảng 05ha, giai đoạn đến năm 2020 xây dựng mới 01 nghĩa trang quy hoạch dự kiến tại phía xã Nông Thượng diện tích khoảng 10-15ha và 25-30ha đến năm 2030.

#### 10.6. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Nước thải sinh hoạt được xử lý phân tán theo các cụm dân cư kết hợp với trạm xử lý tập trung theo lưu vực đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra lưu vực.

Trong tương lai quy hoạch nghĩa trang mới nằm ngoài đô thị để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm cho các khu vực dân cư.

Khai thác hệ thống cây xanh, mặt nước ở khu vực đô thị để tạo cảnh quan, môi trường sống tốt nhất cho nhân dân đô thị.

Cần bảo vệ và phát triển tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là các vùng rừng sản xuất, các khu rừng phòng hộ xung yếu.

Đối với khu vực khai thác đá xây dựng cần tiến hành hoàn thổ và phục hồi lại hệ sinh thái rừng tại khu vực đã khai thác.

#### 11. Phân đợt quy hoạch xây dựng:

Giai đoạn I : Từ 2010 - 2015;

Giai đoạn II : Từ 2015 - 2020.

##### 11.1. Các dự án trọng tâm ưu tiên đầu tư giai đoạn I:

Bao gồm các dự án: Khu đô thị sinh thái tổng hợp Bắc Sông Cầu; Mở mới tuyến đường chính phía Tây đô thị; Xây dựng Cụm công nghiệp Huyền Tụng; Khu Liên hợp Thể thao; Cấp nước-Vệ sinh môi trường đô thị; Xây dựng khu xử lý nước thải công suất  $3.000\text{m}^3/\text{ngđ}$  tại Bản Vén; Bệnh viện đa khoa 500 giường tỉnh Bắc Kạn; Trường Trung cấp Y Bắc Kạn; Thủy lợi - Thủy điện hồ Nặm Cát; Xây dựng chợ đầu mối tại Xuất Hóa; Xây dựng Tượng đài chiến thắng Bắc Kạn tại vị trí khu đồi cao Nà ỏi; Xây dựng khu làm việc của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (cạnh cầu Bắc Kạn); Xây dựng nhà liên cơ quan Thị ủy, HĐND và UBND thị xã Bắc Kạn, tại vị trí khu đô thị phía Nam; Xây dựng nhà liên cơ quan và nhà ở hỗn hợp tại vị trí phía Đông trường Trung cấp nghề Bắc Kạn; Xây dựng khu Liên Hiệp thể dục thể thao, tại vị trí Sân Bay cũ; Các dự án xây dựng đường giao thông tổng chiều dài 21,5km; Nạo vét hạ cốt đáy Sông Cầu, xây kè hai bên bờ sông chống ngập lụt đô thị; Khu đô thị sinh thái tổng hợp Bắc Sông Cầu; Nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt lên  $6.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ ; Mở rộng thêm nghĩa trang Đon Tuấn.

Dự án về cấp điện: Xây dựng mới trạm biến áp 220kv - Hà Vị; Xây dựng mới 22 trạm biến áp Bắc Kạn 22/0,4kv; Xây dựng mới 17,6km đường dây nổi 22 kv.

## 11.2. Các dự án trọng tâm đầu tư giai đoạn II:

Bao gồm các dự án: Xây dựng nhà Triển lãm hội chợ tại vị trí bến xe hiện nay; Xây dựng trung tâm thương mại ở khu Bắc Sông Cầu; Xây dựng trung tâm thương mại ở khu đường Nguyễn Văn Tô; Xây dựng trung tâm thương mại ở khu Bản Áng; Xây dựng chợ khu vực tại Bản Áng; Xây dựng nhà hàng ở bờ Bắc Sông Cầu (khu Phặc Tràng và khu Cầu Mới); Xây dựng bên ô tô liên tỉnh tại vườn Mơ; Xây dựng công viên nước, tại vị trí Nà Ôi; Xây dựng khu cây xanh bờ Bắc sông Cầu; Khu cây xanh sinh thái Nặm Cắt vị trí phía Nam Hồ Nặm Cắt; Cụm tiểu thủ công nghiệp chế biến và khai thác Tre Trúc Khuổi Cuồng.

12. Nguồn lực thực hiện: Tổng số vốn đầu tư xây dựng đô thị giai đoạn 2015 ước khoảng trên 4.000 tỷ đồng.

Quan điểm: Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trên nền tảng phát huy sức mạnh toàn dân.

Các nguồn lực chủ yếu để đầu tư phát triển đô thị: Ngân sách Nhà nước; khai thác các nguồn lực hợp pháp khác và nhân dân cùng làm; Vốn từ nhà đầu tư trong và ngoài nước; vốn từ khai thác hạ tầng; vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp.

13. Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch (áp dụng theo Thông tư số 17/2010/TT-BXD ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị): 2.747.212.000 đồng. (Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn đồng).

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát: 1.337.800.000 đồng.

+ Lập, điều chỉnh QH chung xây dựng: 1.409.412.000 đồng (bao gồm cả chi phí công bố quy hoạch, đưa mốc giới QH ra thực địa và các chi phí khác).

(Chi tiết các khoản chi phí: Theo nội dung Tờ trình số 298/TTr-SXD ngày 06/6/2012 của Sở Xây dựng).

Tổng kinh phí phê duyệt tại khoản 13 Điều 1 Quyết định này thay thế phần phê duyệt kinh phí lập đồ án quy hoạch đã ghi tại khoản 12 Điều 1 Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

14. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn được Sở Xây dựng xác nhận thẩm định và lưu tại các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

## **Điều 2.** Phân giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Kạn: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (18b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Du**